

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THUỶ NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/DS-ST

Ngày: 07-02-2018

V/v tranh chấp phường hộ

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUỶ NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Văn Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Công Hạ,

2. Ông Nguyễn Văn Đông.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Chiến - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2018 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 117/2017/TLST-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về Tranh chấp phường hộ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2018/QĐXX-ST ngày 15 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Vũ Thị X, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn 1, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1971; Địa chỉ: Thôn 2, xã G, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 30 tháng 10 năm 2017 của nguyên đơn là chị Vũ Thị X và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày: Do có quan hệ quen biết nên đã tham gia chơi 02 bát phường do bà Trịnh Thị T làm chủ, cụ thể như sau: Tháng 01 năm 2016 âm lịch đóng phường cho bà T 10.000.000 đồng/tháng, đã đóng được 10 tháng bằng 100.000.000 đồng, ngày kết thúc phường là 30 tháng 11 năm 2016 âm lịch. Tháng 8 năm 2016 chị X chơi thêm bát phường mới 4.000.000 đồng/tháng với bà T và đã đóng cho bà T 5 tháng với tổng số tiền là 20.000.000 đồng (nhưng thực tế chỉ đóng 16.000.000

đồng, còn 4.000.000 đồng do bà T chuyển từ bát phường tháng 01 năm 2016 âm lịch sang cho chị). Tổng số tiền của 02 bát phường chị đã đóng cho bà T là 116.000.000 đồng (96.000.000 đồng của bát phường tháng 01 năm 2016 âm lịch + 20.000.000 đồng của bát phường tháng 8 năm 2016). Khi đến hạn thanh toán bát phường tháng 01 năm 2016 âm lịch (ngày 30 tháng 11 năm 2016), chị yêu cầu thanh toán (gồm tiền gốc và tiền lãi) nhưng bà T mới thanh toán cho chị được 20.000.000 đồng tiền lãi, số còn lại hẹn vài hôm sau thanh toán nhưng đến nay vẫn không thanh toán. Nhiều lần yêu cầu bà T phải thanh toán cả 02 bát phường nhưng không được, nay chị yêu cầu bà T phải có trách nhiệm thanh toán cho chị số tiền gốc của 02 bát phường là 116.000.000 đồng (trong đó số tiền của bát phường đóng tháng 01 năm 2016 âm lịch là 96.000.000 đồng, số tiền của bát phường đóng tháng 8 năm 2016 là 20.000.000 đồng), không yêu cầu thanh toán lãi.

Lời khai trong quá trình xét xử vụ án, bị đơn Trịnh Thị T trình bày: Bà là chủ phường, bà thống nhất với lời trình bày của chị X về thời điểm chơi 02 bát phường như trên, thừa nhận số tiền gốc chị X đã đóng cho bà tại bát phường tháng 01 năm 2016 âm lịch và tháng 8 năm 2016, thừa nhận số tiền lãi đã thanh toán cho chị X cũng như việc vi phạm nghĩa vụ trả và số tiền gốc hiện nay còn nợ. Chị X nhiều lần gặp bà đòi tiền phường nhưng do bà cũng cho người khác vay, chưa đòi được nên đã khất nợ chị X nhiều lần. Nay chị X khởi kiện bà đồng ý trả toàn bộ nợ gốc của 02 bát phường và xin chị X toàn bộ tiền lãi chưa thanh toán.

Về chứng cứ thể hiện như sau: Tại Sở phường do chị X cung cấp ghi “phường tháng vào từ 30/1/2016 đã đóng 10 triệu T nhận” nội dung này được thể hiện lặp lại đến tháng 10 năm 2016, “30/8/2016 L X vào phường bà T vào 4 triệu 1 tháng” và ghi các tháng từ 30/8/2016 cho đến 30/12/2016 đã đóng mỗi tháng T nhận.

Bà Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và về việc giải quyết vụ án như sau: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của pháp luật Tổ tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Đề nghị áp dụng Điều 92, 147 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS); Điều 479 của Bộ luật dân sự (BLDS) năm 2005, các Điều 116, 117, 119, 280, 463, 466, 470, 471 của BLDS năm 2015 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phườg; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Trịnh Thị T phải thanh toán trả cho chị Vũ Thị X số tiền gốc của 02 bất phườg là 116.000.000 đòng, bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Trịnh Thị T đã được Tòa án triệu tập đến phiên tòa hợp lệ và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng bà Trịnh Thị T.

[2] Về nội dung yêu cầu của nguyên đơn: Sự thừa nhận của nguyên đơn, bị đơn về thỏa thuận chơi phường họ, số tiền và thể thức góp, thời gian chơi, thời điểm đến hạn thanh toán, số tiền chị X đã đóng và số tiền bà T chưa thanh toán thuộc trường hợp không phải chứng minh; căn cứ Điều 92 của BLTTDS Tòa án công nhận đó là sự thật. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 479 của BLDS năm 2005, Điều 471 của BLDS năm 2015 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường; cần buộc bà T phải trả cho chị X 116.000.000 đồng, đối với khoản tiền lãi chị X không yêu cầu nên không xét giải quyết.

[3] Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 92, 147 và 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 479 của BLDS năm 2005, Điều 471 của BLDS năm 2015 và Nghị định số 144/2006/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2006 của Chính phủ quy định về họ, họ, biếu, phường; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trịnh Thị T phải trả cho chị Vũ Thị X tổng số tiền gốc đã đóng họ là 116.000.000 (Một trăm mười sáu triệu đồng), trong đó tiền đóng họ chơi tháng 01 năm 2016 là 96.000.000 (Chín mươi sáu triệu đồng), tiền đóng họ chơi tháng 08 năm 2016 là 20.000.000 (Hai mươi triệu đồng).

Về lãi suất chậm thi hành án: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Trịnh Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 5.800.000 (Năm triệu, tám trăm nghìn đồng); Trả lại cho chị Vũ Thị X số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.000.000 (Ba triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0005925 ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Về quyền yêu cầu thi hành án, nghĩa vụ thi hành án: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân

sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Dũng